TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày: 19/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Duyên

2. Ông Trần Văn Sự

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đình Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Bà Mai Cẩm Vân – Kiểm sát viên

Vào hồi 08 giờ ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại Hội T Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HS Ngày 08/7/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T. Sinh ngày 05 tháng 5 năm 1962 tại xã H, huyện N, Thanh Hóa. Nơi ĐKHKTT: xã H, huyện N, Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện N, Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa 8/10. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Phạm Thị N (đã chết). Vợ Ngô Thị T – SN 1971. Có 02 con lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 28/01/1999 tại bản án hình sự số: 03/1999/HS-ST bị TAND huyện N xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/6/2019 đến ngày 12/6/2019 sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên

tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 16 giờ 30 Pt ngày 09/6/2019 tại thôn Hải X, xã Hải L, huyện N, Thanh Hóa, tổ công tác Công an huyện N đã bắt quả tang Nguyễn Văn T – SN 1962 ở thôn C, xã H, huyện N, Thanh Hóa có hành vi bán trái phép 01(một) gói ma túy (heroin) cho Lê Đình P – SN 1978 ở thôn X, xã Xuân K, huyện N,Thanh Hóa. Cơ quan Công an thu giữ trong người đối tượng T số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) là tiền vừa bán ma túy cho P và 01 gói chất bột màu trắng T khai là ma túy; thu giữ trên người P 01 (một) gói nhỏ được bọc bằng lớp ni long bên ngoài chứa chất bột màu trắng (theo P khai báo đó là 01 gói ma túy mà T vừa bán cho P với giá 200.000đ). CQCS ĐT Công an huyện N tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các đối tượng nêu trên.

Quá trình điều tra có đủ tài liệu, chứng cứ xác định nội dung diễn biến hành vi phạm tội của bị can như sau:

Vào chiều ngày 09/6/2019, khi Nguyễn Văn T đang ở nhà thì Lê Đình P sinh năm 1978 ở thôn X, xã Xuân K, N, Thanh Hóa gọi điện hỏi mua 02 gói ma túy (do P là người nghiện ma túy); T đồng ý và hai bên hẹn gặp nhau tại đường vào nhà máy keo thuộc thôn Đồng X, Hải L, N, Thanh Hóa. Sau đó Nguyễn Văn T đi xe mô tô BKS 36R7-3202 đến thị trấn Nông Cống, Nông Cống, Thanh Hóa để tìm mua ma túy. Tại đây T gặp một người đàn ông làm nghề xe ôm, không rõ tên và địa chỉ, T hỏi mua ma túy thì người đàn ông đồng ý và bán cho T 02 gói ma túy với giá 300.000đ. Sau khi mua được ma túy thì T quay lại điểm hẹn để bán ma túy cho P. Về phía Lê Đình P, sau khi hẹn mua ma túy với T thì đến nhà Nguyễn Trọng Y ở thôn Xuân S, xã Xuân K, N, Thanh Hóa chơi và rủ Y cùng mình đi đến thôn Hải X, Hải L chơi, mục đích là đi lấy ma túy nhưng P không nói cho Y biết. P và Y xin đi nhờ xe của một người đàn ông không quen biết đến điểm hẹn với T. Khi P và Y đến khu vực đường vào nhà máy keo Thắng Phát thuộc thôn Đồng X, Hải Long, N, Thanh Hóa thì gặp T đi xe máy đến. Lúc này, P đi lại chỗ T còn Y đứng cách đấy khoảng 5m. Do P chỉ đủ tiền mua 01 gói ma túy nên T chỉ bán cho P 01 gói với giá 200.000đ; và cất gói còn lại vào trong túi áo. Khi hai bên vừa thực hiện xong việc mua bán thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Tại cơ quan điều tra các đối tượng trên đều khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Trưng cầu giám định vật chứng nghi là ma túy CQĐT đã thu giữ khi bắt quả tang, các đối tượng mua bán với nhau. Tại bản kết luận giám định số 1485/MT-PC09 ngày 12/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: chất bột màu trắng của phong bì niêm phong kí hiệu M1 và T1 gửi giám định

là ma túy, có cùng khối lượng là 0,027 gam (không phẩy không hai bảy gam) loại heroin.

Quá trình điều tra xác định, bị can Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng; có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 5 BLHS; và tình tiết giảm nhẹ TNHS ở khoản 2 Điều 51 BLHS là bị can đã có thời gian tham gia trong Quân đội từ tháng 4/1981 đến tháng 6/1985.

Đối với Lê Đình P là người nghiện ma túy đến mua ma túy của T với mục đích để bản thân sử dụng. Lượng ma túy đối tượng mua chưa đủ định lượng để cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Do đó Cơ quan CSĐT công an huyện N xử lý hành chính đối với Lê Đình P về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại Khoản 2, Điều 21 Nghị định 167/CP.

Đối với Nguyễn Trọng Y là người được P rủ đi chơi, không biết và không tham gia vào việc mua bán ma túy giữa P và T nên cơ quan CSĐT công an huyện N không có cơ sở để xử lý đối với Nguyễn Trọng Y.

Đối với người đàn ông ở Thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, Thanh Hóa bán ma túy cho T do T không rõ tên và địa chỉ của đối tượng nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, xử lý đối tượng này.

** Về vật chứng của vụ án:*

- Đối với xe mô tô BKS 36R7-3202 quá trình điều tra xác định ngày 10/5/2019 T đã bán lại cho anh Trần Phú H với giá 10 triệu đồng và chứng thực tại UBND xã H. Tuy nhiên anh H đang cho T mượn để đi lại trong thời gian làm sang tên đổi chủ. Việc T dùng xe mô tô nói trên để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, anh H không biết nên CQ CSĐT đã trả lại xe cho anh H và anh H không có yêu cầu, đề nghị gì.
- Đối với bao gói niêm phong mẫu vật ma túy sau giám định.
- 02 điện thoại di động: Nokia màu đen – xám số IMEL 351672/05/436482/4 bên trong lắp sim thuê bao số 0987435017; Masstel màu đỏ - đen số IMEL1 355314100510094, IMEL2 355314101510093 bên trong lắp sim thuê bao số 0965228404.
- Số tiền 200.000đ thu được giữ trên người Nguyễn Văn T.

Toàn bộ vật chứng, tài sản trên Cơ quan điều tra Công an huyện N đã chuyển đến tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước và kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện N quản lý, chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 14/CT- VKS, ngày 26 tháng 6 năm 2019, Viện kiểm sát

nhân dân huyện N truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về Tội mua bán trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 251 BLHS. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguY quan điểm tuy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 27 đến 30 tháng tù, thời gian tạm giam, tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng; 02 chiếc điện thoại di động là phương tiện để bị cáo liên hệ, giao dịch mua bán ma túy. Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và không tranh luận với kiểm sát viên, lời nói sau cùng của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận vào hồi 16 giờ 30 Pt ngày 09/6/2019 tại thôn Hải X, xã Hải L, huyện N, Thanh Hóa, tổ công tác Công an huyện N đã bắt quả tang Nguyễn Văn T – SN 1962 ở Thôn C, xã H, huyện N, Thanh Hóa có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy (Heroin) cho Lê Đình P – Sinh năm 1978 trú tại: Thôn Xuân L, xã Xuân K, N, Thanh Hóa để lấy 200.000đ; thu giữ trên người T 01 gói Heroin cất trong túi áo, T khai do P không có đủ tiền để mua cả 02 gói Heroin nên giữ lại. Số ma túy mà T bán cho P được

giám định có khối lượng là 0.027g (không phẩy không hai bảy gam), số ma túy cất trong túi áo của T có khối lượng là 0.027g (không phẩy không hai bảy gam).

Vì trước đó qua điện thoại T đã nhận lời bán cho P 02 tép Heroin nên đã chủ động đi xuống Nông Cống mua 02 tép Heroin về để bán, vì P không đủ tiền nên chỉ mua 01 tép tuy nhiên T phải chịu TNHS với toàn bộ số ma túy bị cáo mua về nhằm bán kiếm lời. Tổng khối lượng 02 tép Heroin là 0,054 gam.

Tại khoản 1 điều 251 BLHS qui định " *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*". Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo: Nguyễn Văn T về "Tội mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 BLHS là có cơ sở, đúng qui đinh của pháp luật.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3] Qua lời trình bầy của bị cáo tại phiên toà hôm nay thể hiện bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc mua bán, trái phép chất ma tuý là một việc làm bị pháp luật ngăn cấm, bị cáo cũng nhận thức được hậu quả nguy hiểm đối với cơ thể con người do sử dụng ma tuý trái phép mang lại, cũng như tác hại của ma túy đối với đời sống xã hội, gây mất trật tự, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và là nguy cơ tiềm ẩn phát sinh ra những tệ nạn xã hội, những hành vi trái pháp luật cũng từ ma túy mà phát sinh. Nhưng chỉ vì hám lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật bất chấp đến những hệ lụy mà ma túy mang lại, mua đi bán lại kiếm lời. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi áp dụng mức hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Bị cáo có nhân thân Ngày 28/01/1999 tại bản án hình sự số: 03/1999/HS-ST bị TAND huyện N xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Cố ý gây thương tích. Tại bản án số 03/1999 ngày 28/01/1999 có ghi bị cáo có 01 tiền án vào tháng 06/1989 (không ghi số bản án, ngày) Bị TAND huyện Như Xuân xét xử tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản nhưng đến thời điểm xét xử vào tháng 01/1999 Tòa án xác định đã được xóa án tích; Qua điều tra xác minh cơ quan điều tra xác định bản án tháng 6/1989 do TAND huyện Như Xuân, Thanh hóa xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản không còn lưu tại Tòa án và cả Cơ quan THADS huyện Như Xuân cũng không có hồ sơ THA nên không có cơ sở xác định có hay không

tiền án của bị cáo vào tháng 6/1989. Mặc dù không còn tiền án, tiền sự nhưng với nhân thân như vậy chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật do vậy cần phải nghiêm trị theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo đều thật thà khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; Bên cạnh đó, bị cáo T cũng đã có thời gian tham gia trong Quân đội từ tháng 4/1981 đến tháng 6/1985 nên có thể xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm học tập, cải tạo, tu dưỡng thành công dân có ích.

[5] *Hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251BLHS quy định: *" Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng…"*. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua việc thẩm vấn tại phiên toà hôm nay, bị cáo khai báo nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, bản thân thì ốm yếu nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Đối với số tiền 200.000 đồng thu lợi bất chính do mua bán ma tuý mà có, 02 điện thoại di động: 02 điện thoại di động: Nokia màu đen – xám số IMEL 351672/05/436482/4 bên trong lắp sim thuê bao số 0987435017; Masstel màu đỏ - đen số IMEL1 355314100510094, IMEL2 355314101510093 bên trong lắp sim thuê bao số 0965228404 là phương tiện để bị giao dịch mua bán ma túy là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu xung công quỹ Nhà nướcnên cần tịch thu xung công quỹ Nhà nước là phù hợp; Đối với vật phẩm Herin còn lại sau khi giám định đựng trong phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh hóa phát hành, được dán kín niêm phong bởi các dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh hóa và các chữ ký của Nguyễn Trần Đăng; Trần Thị Thúy Hằng; Lê Xuân Hùng nên tịch thu tiêu huỷ theo qui định tại khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự 2015. điểm a, b khoản 2; Điều 106 BLTTHS (năm 2015)

Đối với xe mô tô BKS 36R7-3202 Nguyễn Văn T dùng làm phương tiện phạm tội nhưng quá trình điều tra xác định ngày 10/5/2019 T đã bán lại cho anh Trần Phú H với giá 10 triệu đồng có chứng thực tại UBND xã H. Anh H cho T mượn để đi lại trong thời gian làm sang tên đổi chủ. Việc T dùng xe mô tô nói trên để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy anh Hải không biết nên CQ

CSĐT đã trả lại xe cho anh H và anh H không có yêu cầu, đề nghị gì là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 3; Điều 106 BLTTHS

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251 BLHS; điểm s khoản 1; khoản 2 điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

TuY bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tình từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi 04 (bốn) ngày tạm giữ (từ ngày 09/6/2019 đến ngày 12/06/2019

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự 2015. Điểm a, b khoản 2; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính; 01 điện thoại Nokia màu đen xám, số IMEL: 351672/05/436482/4 bên trong lắp sim nhưng không kiểm tra được số thuê bao và tình trạng máy; 01 điện thoại Masstel màu đỏ đen, số IMEL1: 355314100510094; IMEL2: 355314101510093 bên trong lắp sim nhưng không kiểm tra được số thuê bao và tình trạng máy là công cụ, phương tiện phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy vật phẩm Herin còn lại sau khi giám định đựng trong phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh hóa phát hành, được dán kín niêm phong bởi các dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh hóa và các chữ ký của Nguyễn Trần Đăng; Trần Thị Thúy Hằng; Lê Xuân Hùng.

Số tiền 200.000đ hiện đang lưu giữ trong tài khoản của Chi cục THADS huyện N theo Ủy nhiệm chi lập ngày 03/7/2019 của Cơ quan cảnh sất điều tra Công an huyện N cho Chi cục THADS huyện N.

Toàn bộ vật chứng đang được thu giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng Số: 07/TV-THADS ngày 04/7/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Bị cáo;
- Thi hành án (để thi hành);
- Phòng GĐKT TA tỉnh Thanh Hoá
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Quân